

Bản án số: 689/2024/HS-PT
Ngày 20 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 505/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thanh T. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Thanh T, tên gọi khác: không. Sinh năm 1975, tại Bà Rịa - Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: S V G; Chỗ ở hiện nay: Nhà nghỉ C, Tổ 7, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Cộng hoà liên bang Đức; Họ và tên cha: Lê Văn Nh, sinh năm 1950 (đã chết); Họ và tên mẹ: Trương Thị Phương Th, sinh năm 1951; Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2, có vợ tên Tang L, sinh năm 1979, Quốc tịch: Cộng hoà liên bang Đức; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/12/2022, chuyển tạm giam đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- **Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Lê Thanh T:** Luật sư Vũ Thanh H – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh T (là người Việt, quốc tịch Đức) và chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1997, ngụ tại: Khu phố 1, phường B1, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có quan hệ tình cảm yêu nhau từ năm 2016. Trong thời gian T ở nước Đức, vì yêu xa nên T nhiều lần yêu cầu chị U chụp ảnh và quay video khóa thân của chị U gửi cho T xem. Sau khi chị U chụp ảnh và quay video khóa thân của mình gửi cho T qua mạng xã hội, thì T lưu lại ảnh và video này trên máy điện thoại của T. Trong thời gian ở nước Đức, T gửi về cho U số tiền khoảng 1.300.000.000 đồng để mua đất và xây nhà (số tiền này T cho U).

Đến năm 2019, T về Việt Nam sinh sống cùng với chị U như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đến khoảng tháng 9/2020 thì T và chị U xảy ra mâu thuẫn trong quá trình sinh sống với nhau nên chị U đã đuổi T ra khỏi nhà. Sau khi chia tay, T nhiều lần yêu cầu chị U phải trả lại số tiền mà T đã cho chị U trước đó, nhưng chị U không đồng ý. T liền gửi ảnh khóa thân của chị U (nhưng che mặt và các bộ phận nhạy cảm) cho chị U, rồi nhắn tin đe dọa chị U phải đưa cho T số tiền 900.000.000 đồng, nếu không đưa tiền thì T sẽ tung các ảnh và video khóa thân của chị U lên mạng xã hội, gửi cho bạn bè chị U để bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của chị U. Sau đó, T đã giảm số tiền xuống còn 600.000.000 đồng và tiếp tục đe dọa chị U phải đưa số tiền này cho T, vì lo sợ T đăng ảnh và video khóa thân của mình lên mạng xã hội nên chị U đã đồng ý đưa cho T số tiền 600.000.000 đồng. Do chị U chưa đủ tiền nên T yêu cầu chị U phải đưa trước số tiền 200.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng phải đưa sau. Đến khoảng 18 giờ ngày 05/12/2022, T yêu cầu chị U đến quán cà phê H tại đường V, khu phố 7, phường Th, TP B, tỉnh Đồng Nai để đưa trước cho T số tiền 200.000.000 đồng, khi T vừa nhận số tiền 200.000.000 đồng của chị U thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Quá trình điều tra Lê Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 170; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2022.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 14/5/2024, bị cáo Lê Thanh T có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Luật tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 12 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Bị cáo chỉ đòi lại số tiền đã chuyển cho chị U theo thỏa thuận của hai người, số tiền này cũng thấp hơn số tiền bị cáo đã chuyển cho chị U, bị cáo phạm tội do có một phần lỗi của bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có điều kiện trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Lê Thanh T và bị hại Nguyễn Thị U có mối quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2016. Trong thời gian quen nhau, T đề nghị chị U gửi một số hình ảnh, video khỏa thân và đã lưu trữ lại những hình ảnh, video này. Đến năm 2020, hai bên mâu thuẫn dẫn đến chia tay. Sau khi chia tay, T nhiều lần dùng những hình ảnh, video khỏa thân của chị U đe dọa, buộc chị U phải đưa cho T số tiền 900.000.000 đồng. Sau đó bị cáo đồng ý giảm số tiền xuống còn 600.000.000 đồng. Do chị U chưa đủ tiền nên T yêu cầu chị U phải đưa trước số tiền 200.000.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng đưa sau. Khoảng 18 giờ ngày 05/12/2022, tại quán cà phê H tại địa chỉ đường V, Khu phố 7, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo bị lực lượng Công an bắt quả tang khi nhận số tiền 200.000.000 đồng từ chị U.

Với hành vi nêu trên, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; để thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản, bị cáo dùng thủ đoạn đe dọa gây ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại, tác động nghiêm trọng đến tâm lý của người bị hại. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét về tình tiết bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, xét bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2024/HSST ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 170; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T **09 (chín)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/12/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thanh T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Công an tỉnh Đồng Nai (1);
- Trại Tạm giam – CA tỉnh Đồng Nai (2);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Lưu VP(3), HS(2). 16b.LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy